Dưới đây là giải thích chi tiết từng phần mã trong file accountPage.html:

**1. Phần tiêu đề và danh sách tài khoản**

* <div class="alv-container">:
  + **Ý nghĩa**: Đây là phần tử bao bọc (container) toàn bộ giao diện trang danh sách tài khoản.
  + **Tác dụng**: Đảm bảo rằng tất cả các thành phần của trang (bộ lọc, bảng danh sách, modals) được sắp xếp và căn chỉnh đúng theo bố cục.
* <div class="alv-heading">ACCOUNT LIST</div>:
  + **Ý nghĩa**: Phần tiêu đề hiển thị tên của trang là "ACCOUNT LIST".
  + **Tác dụng**: Đặt ở vị trí đầu trang để người dùng biết đây là danh sách tài khoản.

**2. Phần bộ lọc (Filter)**

Bộ lọc được sử dụng để người dùng tìm kiếm tài khoản dựa trên vai trò (role) hoặc phòng ban (department).

**Cấu trúc và chức năng**

* <div class="filter-wrapper">:
  + **Ý nghĩa**: Bao bọc tất cả các thành phần liên quan đến bộ lọc.
  + **Tác dụng**: Giúp nhóm các thành phần lọc thành một khối dễ quản lý.

**Lọc theo vai trò (Role)**

* <select id="filter-role-select" ...>:
  + **Ý nghĩa**: Dropdown (menu chọn) cho phép người dùng chọn vai trò tài khoản để lọc.
  + **Các tùy chọn (options)**:
    - <option value="">: Giá trị mặc định, hiển thị không lọc.
    - <option value="ADMIN">: Chỉ lọc các tài khoản có vai trò Admin.
    - <option value="EMPLOYEE">: Chỉ lọc các tài khoản có vai trò Employee.
    - <option value="MANAGER">: Chỉ lọc các tài khoản có vai trò Manager.

**Lọc theo phòng ban (Department)**

* <select id="filter-department-select" ...>:
  + **Ý nghĩa**: Dropdown cho phép người dùng chọn phòng ban để lọc.
  + **Hiện tại**: Mã HTML của phần này đang bị comment, nên không hiển thị các tùy chọn.

**Nút thực hiện lọc**

* <a href="#" onclick="filterAccount()">:
  + **Ý nghĩa**: Nút kích hoạt hàm filterAccount() khi người dùng nhấn vào.
  + **Tác dụng**: Lấy dữ liệu từ các dropdown trên (vai trò và phòng ban) để lọc danh sách tài khoản.

**3. Thanh công cụ chức năng**

Thanh công cụ cho phép tìm kiếm, làm mới danh sách, thêm tài khoản mới và xóa tài khoản.

**Tìm kiếm tài khoản**

* <div class="search-bar">:
  + **Ý nghĩa**: Khối chức năng tìm kiếm tài khoản.
  + <input ... id="search-account-input">:
    - **Ý nghĩa**: Ô nhập liệu để tìm kiếm theo tên tài khoản.
    - **Tác dụng**: Khi người dùng nhập vào, sẽ kích hoạt logic tìm kiếm (có thể kết hợp sự kiện oninput trong JavaScript).

**Các nút chức năng khác**

* **Làm mới bảng**:
  + <a href="#" onclick="refreshAccountTable()">:
    - Gọi hàm refreshAccountTable() để tải lại danh sách tài khoản từ backend.
* **Thêm tài khoản**:
  + <a href="#" onclick="openAddAccountModal()">:
    - Gọi hàm openAddAccountModal() để mở modal thêm tài khoản.
* **Xóa nhiều tài khoản**:
  + <a href="#" onclick="showDeleteMultipleAccountsModal()">:
    - Mở modal xác nhận xóa nhiều tài khoản được chọn.

**4. Bảng danh sách tài khoản**

Hiển thị thông tin tài khoản trong bảng với các cột:

* **Checkbox**:
  + <input type="checkbox" ... onclick="onChangeAccountCheckboxAll()">:
    - Checkbox chọn tất cả tài khoản trong bảng. Khi nhấn, gọi hàm onChangeAccountCheckboxAll() để thực hiện logic chọn/bỏ chọn tất cả.
* **Username**:
  + <th ... onclick="changeAccountSort('username')">:
    - Hiển thị tên đăng nhập của tài khoản, hỗ trợ sắp xếp theo tên đăng nhập khi nhấn vào tiêu đề cột.
* **Full Name**:
  + <th ... onclick="changeAccountSort('fullName')">:
    - Hiển thị họ tên đầy đủ của tài khoản, cho phép sắp xếp.
* **Role**:
  + .
* **Department**:
  + <th ... onclick="changeAccountSort('departmentName')">:
    - Hiển thị tên phòng ban và hỗ trợ sắp xếp.
* **Actions**:
  + Cột này dự kiến chứa các nút hành động như chỉnh sửa, xóa tài khoản (hiện chưa có nút cụ thể trong file này).

**5. Thanh phân trang**

Cung cấp nút chuyển trang và hiển thị thông tin phân trang.

* **Nút chuyển trang**:
  + <input type="button" ... onclick="prevAccountPage()">: Chuyển đến trang trước.
  + <input type="button" ... onclick="nextAccountPage()">: Chuyển đến trang kế tiếp.
* **Thông tin trang**:
  + <div id="account-page-info">:
    - Hiển thị số lượng bản ghi và trang hiện tại (ví dụ: "10 records, page 1 of 10").

**6. Modal thêm hoặc cập nhật tài khoản**

Modal hiển thị khi thêm mới hoặc cập nhật thông tin tài khoản.

**Cấu trúc**

* <div class="modal fade" id="addAndUpdateAcccountModal">: Modal chính.
* **Các trường nhập liệu**:
  + Username: <input ... id="modal-username">.
  + First Name & Last Name: <input ... id="modal-first-name"> và <input ... id="modal-last-name">.
  + Role: <select ... id="modal-role-select"> với các tùy chọn Admin, Employee, Manager.
  + Department: <select ... id="modal-department-select">.

**Nút hành động**

* <button onclick="saveAccount()">: Nút "Save" để lưu tài khoản mới hoặc cập nhật thông tin.

**7. Modal xóa tài khoản**

Modal xác nhận khi xóa tài khoản đơn lẻ hoặc nhiều tài khoản.

* **Xóa đơn lẻ**:
  + <div id="deleteSingleAccountModal">:
    - Modal chứa nút xác nhận xóa (#delete-single-account-btn) để xóa tài khoản theo ID.
* **Xóa nhiều tài khoản**:
  + <div id="deleteMultipleAccountsModal">:
    - Modal cho phép xóa nhiều tài khoản cùng lúc.

**8. Tổng quan các hàm JavaScript**

Các hàm này định nghĩa logic cho các hành động:

* filterAccount(): Thực hiện lọc tài khoản dựa trên role và department.
* refreshAccountTable(): Làm mới danh sách tài khoản (lấy lại dữ liệu từ backend).
* openAddAccountModal(): Mở modal thêm tài khoản.
* showDeleteMultipleAccountsModal(): Hiển thị modal xóa nhiều tài khoản.
* onChangeAccountCheckboxAll(): Logic chọn/bỏ chọn tất cả checkbox trong bảng.
* saveAccount(): Lưu thông tin tài khoản sau khi thêm hoặc cập nhật.
* prevAccountPage()/nextAccountPage(): Chuyển giữa các trang trong phân trang.

Nếu cần giải thích thêm về bất kỳ đoạn mã hoặc ý nghĩa chi tiết hơn, bạn có thể hỏi!